

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH LAI CHÂU

Số: **51** /NQ-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày **07** tháng 12 năm 2023

### NGHỊ QUYẾT

**Quyết định tổng biên chế công chức; phê duyệt số lượng người làm việc; hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập hưởng lương từ ngân sách nhà nước và biên chế trong các tổ chức hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của tỉnh Lai Châu năm 2024**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 27-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Lai Châu giai đoạn 2022-2026;*

*Xét Tờ trình số 4453/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quyết định tổng biên chế công*

chức, phê duyệt số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập hưởng lương từ ngân sách nhà nước và biên chế trong các tổ chức hội có tính chất đặc thù của tỉnh Lai Châu năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 631/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Quyết định tổng biên chế công chức; phê duyệt số lượng người làm việc; hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập hưởng lương từ ngân sách nhà nước và biên chế trong các tổ chức hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của tỉnh Lai Châu năm 2024 như sau:

1. Tổng biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính: 1.795 biên chế.
2. Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập: 14.505 người.
  - a) Đơn vị do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 11.180 người.
  - b) Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 3.325 người.
3. Hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ trong các cơ quan, tổ chức hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 1.138 người.
  - a) Trong các cơ quan, tổ chức hành chính: 118 người.
  - b) Trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 1.020 người.
    - Đơn vị do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 933 người.
    - Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 87 người.
4. Phê duyệt hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ đối với lĩnh vực giáo dục và y tế: 750 người.
  - Hợp đồng lao động tại đơn vị sự nghiệp do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc lĩnh vực y tế: 05 người.
  - Hợp đồng lao động tại đơn vị sự nghiệp do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc lĩnh vực giáo dục năm học 2024-2025: 745 người.
5. Biên chế trong các tổ chức hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: 76 biên chế.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khoá XV, kỳ họp thứ mười chín thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH****Giàng Páo Mỹ**

**BIỂU GIAO BIÊN CHẾ TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2024**  
(Kèm theo Nghị quyết số 51 /NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên cơ quan, địa phương	Biên chế giao năm 2024
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>1.795</b>
<b>I</b>	<b>CÁC SỞ, BAN, NGÀNH</b>	<b>1.070</b>
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	37
2	Văn phòng UBND tỉnh	55
3	Sở Nội vụ	57
4	Sở Ngoại vụ	21
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	46
6	Sở Tư pháp	27
7	Sở Giao thông vận tải	53
8	Sở Xây dựng	33
9	Sở Tài chính	51
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	34
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	40
12	Sở Thông tin và Truyền thông	24
13	Thanh tra tỉnh	32
14	Ban Dân tộc tỉnh	22
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	40
16	Sở Khoa học và Công nghệ	27
17	Sở Công Thương	38
18	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	301
19	Sở Y tế	58
20	Sở Giáo dục và Đào tạo	48

Stt	Tên cơ quan, địa phương	Biên chế giao năm 2024
21	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	21
22	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	5
<b>II</b>	<b>UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ</b>	<b>725</b>
1	UBND thành phố Lai Châu	98
2	UBND huyện Tam Đường	89
3	UBND huyện Tân Uyên	87
4	UBND huyện Than Uyên	89
5	UBND huyện Phong Thổ	92
6	UBND huyện Sìn Hồ	92
7	UBND huyện Mường Tè	92
8	UBND huyện Nậm Nhùn	86

**BIỂU GIÁO SỔ LƯƠNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 51 /NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh)



Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng cộng	Trong đó	
			Đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (hưởng lương từ ngân sách nhà nước)
	<b>Tổng số</b>	<b>14.505</b>	<b>11.180</b>	<b>3.325</b>
<b>I</b>	<b>CÁC SỞ, BAN, NGÀNH</b>	<b>3.994</b>	<b>748</b>	<b>3.246</b>
1	Văn phòng UBND tỉnh	9	9	
2	Sở Nội vụ	11	11	
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	13	13	
4	Sở Tư pháp	9	7	2
5	Sở Tài chính	6		6
6	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	60	60	
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	153	153	
8	Sở Thông tin và Truyền thông	20		20
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	40		40
10	Sở Khoa học và Công nghệ	15	15	
11	Sở Công Thương	10	10	
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	46	46	
13	Sở Y tế	2.499	46	2.453
14	Sở Giáo dục và Đào tạo (năm học 2024 - 2025)	873	342	531

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng cộng	Trong đó	
			Đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (hưởng lương từ ngân sách nhà nước)
15	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	15	15	
16	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	84		84
17	Ban Quản lý Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh	12	12	
18	Trung tâm Hỗ trợ nông dân	9		9
19	Trung tâm Hoạt động Thanh, thiếu nhi	9	9	
20	Trường Cao đẳng Cộng đồng Lai Châu	101		101
<b>II</b>	<b>UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ</b>	<b>10.511</b>	<b>10.432</b>	<b>79</b>
<b>1</b>	<b>UBND thành phố Lai Châu</b>	<b>934</b>	<b>925</b>	<b>9</b>
1.1	Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp; văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông; sự nghiệp khác	59	50	9
1.2	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo (năm học 2024 - 2025)	875	875	
<b>2</b>	<b>UBND huyện Tam Đường</b>	<b>1.249</b>	<b>1.242</b>	<b>7</b>
2.1	Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp; văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông; sự nghiệp khác	62	55	7
2.2	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo (năm học 2024 - 2025)	1.187	1.187	
<b>3</b>	<b>UBND huyện Tân Uyên</b>	<b>1.253</b>	<b>1.247</b>	<b>6</b>
3.1	Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp; văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông; sự nghiệp khác	63	57	6
3.2	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo (năm học 2024 - 2025)	1.190	1.190	
<b>4</b>	<b>UBND huyện Than Uyên</b>	<b>1.473</b>	<b>1.473</b>	<b>0</b>



Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng cộng	Trong đó	
			Đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (hưởng lương từ ngân sách nhà nước)
4.1	Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp; văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông; sự nghiệp khác	75	75	
4.2	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo (năm học 2024 - 2025)	1.398	1.398	
<b>5</b>	<b>UBND huyện Phong Thổ</b>	<b>1.684</b>	<b>1.684</b>	<b>0</b>
5.1	Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp; văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông; sự nghiệp khác	72	72	
5.2	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo (năm học 2024 - 2025)	1.612	1.612	
<b>6</b>	<b>UBND huyện Sìn Hồ</b>	<b>1.818</b>	<b>1.803</b>	<b>15</b>
6.1	Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp; văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông; sự nghiệp khác	76	61	15
6.2	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo (năm học 2024 - 2025)	1.742	1.742	
<b>7</b>	<b>UBND huyện Mường Tè</b>	<b>1.290</b>	<b>1.248</b>	<b>42</b>
7.1	Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp; văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông; sự nghiệp khác	77	35	42
7.2	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo (năm học 2024 - 2025)	1.213	1.213	
<b>8</b>	<b>UBND huyện Nậm Nhùn</b>	<b>810</b>	<b>810</b>	<b>0</b>
8.1	Sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp; văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông; sự nghiệp khác	52	52	
8.2	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo (năm học 2024 - 2025)	758	758	

*Jhr*



**BIỂU GIAO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THỰC HIỆN CÔNG VIỆC HỖ TRỢ, PHỤC VỤ THEO  
NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH, ĐƠN  
VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP LÀM CÔNG VIỆC HỖ TRỢ, PHỤC VỤ HƯỞNG LƯƠNG TỪ  
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số: **51** /NQ-HĐND ngày **07** tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số	Hành chính	Sự nghiệp		
				Tổng số	Đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên
	<b>Tổng số</b>	<b>1.138</b>	<b>118</b>	<b>1.020</b>	<b>933</b>	<b>87</b>
<b>I</b>	<b>CÁC SỞ, BAN, NGÀNH</b>	<b>292</b>	<b>79</b>	<b>213</b>	<b>127</b>	<b>86</b>
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	9	9			
2	Văn phòng UBND tỉnh	9	9			
3	Sở Nội vụ	6	3	3	3	
4	Sở Ngoại vụ	1	1			
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2	2			
6	Sở Tư pháp	2	2			
7	Sở Giao thông vận tải	4	4			
8	Sở Xây dựng	3	3			
9	Sở Tài chính	3	3			
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	10	2	8	8	
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	13	2	11	11	

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số	Hành chính	Sự nghiệp		
				Tổng số	Đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên
12	Sở Thông tin và Truyền thông	1	1			
13	Thanh tra tỉnh	2	2			
14	Ban Dân tộc tỉnh	2	2			
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	2	2			
16	Sở Khoa học và Công nghệ	5	3	2	2	
17	Sở Công Thương	2	2			
18	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	18	16	2	2	
19	Sở Y tế	28	6	22	4	18
20	Sở Giáo dục và Đào tạo	121	2	119	68	51
21	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	3	2	1	1	
22	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	1	1			
23	Ban Quản lý Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh	28		28	28	
24	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	5		5		5
25	Trường Cao đẳng Cộng đồng Lai Châu	10		10		10
26	Trung tâm Hỗ trợ nông dân	2		2		2
<b>II</b>	<b>UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ</b>	<b>846</b>	<b>39</b>	<b>807</b>	<b>806</b>	<b>1</b>



Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số	Hành chính	Sự nghiệp		
				Tổng số	Đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên
1	UBND thành phố Lai Châu	117	5	112	112	
2	UBND huyện Tam Đường	106	5	101	101	
3	UBND huyện Tân Uyên	98	5	93	93	
4	UBND huyện Than Uyên	109	5	104	104	
5	UBND huyện Phong Thổ	90	5	85	85	
6	UBND huyện Sìn Hồ	147	5	142	141	1
7	UBND huyện Mường Tè	122	5	117	117	
8	UBND huyện Nậm Nhùn	57	4	53	53	

*Jm2*

Biểu số 04

**BIỂU GIAO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THỰC HIỆN CÔNG VIỆC CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ  
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP**

(Kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh)



Số TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>750</b>
<b>I</b>	<b>SỰ NGHIỆP Y TẾ</b>	
	Sở Y tế	5
<b>II</b>	<b>SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC (năm học 2024-2025)</b>	<b>745</b>
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	17
2	<b>UBND các huyện, thành phố</b>	<b>728</b>
2.1	UBND thành phố Lai Châu	28
2.2	UBND huyện Tam Đường	98
2.3	UBND huyện Tân Uyên	36
2.4	UBND huyện Phong Thổ	139
2.5	UBND huyện Sìn Hồ	223
2.6	UBND huyện Mường Tè	109
2.7	UBND huyện Nậm Nhùn	95

*Jh2-*



Biểu số 05

**BIỂU GIAO BIÊN CHẾ TRONG CÁC TỔ CHỨC HỘI QUẢN CHỨNG ĐƯỢC ĐẢNG,  
NHA NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 51 /NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh)

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2024
	<b>Tổng số</b>	<b>76</b>
1	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	16
2	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	17
3	Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh	9
4	Hội Luật gia tỉnh	5
5	Hội Nhà báo tỉnh	1
6	Hội Người cao tuổi tỉnh	3
7	Hội Khuyến học tỉnh	2
8	Hội Cựu Thanh niên xung phong	2
9	Liên Hiệp các Hội khoa học Kỹ thuật tỉnh	4
10	Hội Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh	1
11	Hội Chữ thập đỏ thành phố Lai Châu	2
12	Hội Chữ thập đỏ huyện Tam Đường	2
13	Hội Chữ thập đỏ huyện Tân Uyên	2
14	Hội Chữ thập đỏ huyện Than Uyên	2
15	Hội Chữ thập đỏ huyện Phong Thổ	2
16	Hội Chữ thập đỏ huyện Sìn Hồ	2
17	Hội Chữ thập đỏ huyện Nậm Nhùn	2
18	Hội Chữ thập đỏ huyện Mường Tè	2

*Jhe*